

## V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi đã bước đầu cho thấy tiềm năng ứng dụng AI trong khai thác dữ liệu y sinh và sự cần thiết của việc xây dựng cơ sở dữ liệu gen riêng cho bệnh nhân Việt Nam. Trong tương lai, việc kết hợp AI, NGS và các nghiên cứu đa trung tâm với cỡ mẫu lớn hơn được kỳ vọng sẽ mở ra hướng đi mới trong chẩn đoán, điều trị và quản lý ung thư phổi theo hướng y học chính xác và cá thể hóa.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bray F, Laversanne M, Sung H, et al.** Global cancer statistics 2022: GLOBOCAN estimates of incidence and mortality worldwide for 36 cancers in 185 countries. *CA: A Cancer Journal for Clinicians*. n/a(n/a). doi:10.3322/caac.21834
2. **Alsharif F.** Artificial Intelligence in Oncology: Applications, Challenges and Future Frontiers. *Int J Pharm Investigation*. 2024;14(3):647-656. doi:10.5530/ijpi.14.3.76
3. **Lee JH, Hwang EJ, Kim H, Park CM.** A narrative review of deep learning applications in lung cancer research: from screening to prognostication. *Transl Lung Cancer Res*. 2022;11(6):1217-1229. doi:10.21037/tlcr-21-1012
4. **Shi Y, Li J, Zhang S, et al.** Molecular Epidemiology of EGFR Mutations in Asian Patients with Advanced Non-Small-Cell Lung Cancer of Adenocarcinoma Histology - Mainland China Subset Analysis of the PIONEER study. *PLoS One*. 2015;10(11):e0143515. doi:10.1371/journal.pone.0143515
5. **Shi H, Seegobin K, Heng F, et al.** Genomic landscape of lung adenocarcinomas in different races. *Front Oncol*. 2022;12:946625. doi:10.3389/fonc.2022.946625

# KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG TIÊM VẮC XIN HPV CỦA SINH VIÊN NỮ NGÀNH PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Lê Văn Thâm<sup>1</sup>, Lê Thúy Hương<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả tình trạng tiêm vắc xin HPV của sinh viên nữ ngành Phục hồi chức năng trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương. **Phương pháp:** Mô tả cắt ngang. **Kết quả nghiên cứu:** Tỷ lệ sinh viên nữ ngành Phục hồi chức năng trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương tiêm vắc xin HPV còn chưa cao (37,1%), trong đó chỉ có 16,1% tiêm đủ 3 mũi; Lý do sinh viên tiêm vắc xin HPV nhiều nhất là tư nhân thức được tầm quan trọng của việc tiêm vaccine (56,9%), Tiếp đó là các sinh viên được gia đình khuyến khích, đưa đi tiêm (32,6%); Lý do sinh viên chưa tiêm vắc xin HPV do giá thành cao (53,5%), không biết chỗ nào để tiêm (12,5%), không có thời gian nên không tiêm (11,8%), không biết về vaccine HPV (8,3%) và lo ngại về tác dụng phụ của vaccine (5,5%). **Kết luận:** Tỷ lệ sinh viên nữ ngành Phục hồi chức năng trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương tiêm vắc xin HPV còn chưa cao (37,1%), trong đó chỉ có 16,1% tiêm đủ 3 mũi.

## SUMMARY

### ASSESSMENT OF HPV VACCINATION STATUS AMONG FEMALE STUDENTS IN THE REHABILITATION FACULTY AT HAI DUONG MEDICAL TECHNICAL UNIVERSITY

**Objective:** To assess the HPV vaccination status among female students in the Faculty of Rehabilitation

at Hai Duong Medical Technical University. **Methods:** A cross-sectional study was conducted. **Results:** The HPV vaccination rate among female rehabilitation students remained relatively low at 37.1%, with only 16.1% having completed the full three-dose schedule. The most common reason for receiving the vaccine was personal awareness of its importance (56.9%), followed by family encouragement and support (32.6%). Among those unvaccinated, the primary barriers were high vaccine cost (53.5%), lack of information about vaccination sites (12.5%), limited time (11.8%), lack of awareness about the HPV vaccine (8.3%), and concerns about potential side effects (5.5%). **Conclusion:** The overall HPV vaccination coverage among female rehabilitation students at Hai Duong Medical Technical University remains suboptimal (37.1%), with a particularly low proportion completing the recommended three-dose schedule (16.1%).

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tổ chức y tế thế giới (WHO) ước tính tỉ lệ nhiễm HPV trên toàn thế giới ở phụ nữ tính đến năm 2017 là 11,7%. Theo thống kê hơn 95% trường hợp ung thư cổ tử cung là do HPV lây truyền qua đường tình dục. Đây là loại ung thư phổ biến thứ hai ở phụ nữ trên toàn cầu, với ước tính có khoảng 604.000 ca mắc mới và 342.000 ca tử vong vào năm 2020 [1]. Khoảng 90% ca mắc mới và tử vong trên toàn thế giới vào năm 2020 xảy ra ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình [2].

Năm 2012, ước tính tại Việt Nam có 5.146 phụ nữ mắc ung thư cổ tử cung, tỷ lệ mắc mới

<sup>1</sup>Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Chịu trách nhiệm chính: Lê Văn Thâm

Email: themlv2003@gmail.com

Ngày nhận bài: 22.9.2025

Ngày phản biện khoa học: 23.10.2025

Ngày duyệt bài: 26.11.2025

ung thư cổ tử cung đã chuẩn hóa theo tuổi (ASR) là 10,6/100.000 phụ nữ, tỷ lệ này thấp hơn so với khu vực Đông Nam Á với ASR là 16,3/100.000 [3].

Ung thư cổ tử cung là một trong số ít những loại ung thư có thể phòng ngừa được. Các nghiên cứu chỉ ra rằng đến 99,7% nguyên nhân gây ra bệnh ung thư cổ tử cung là do virus HPV. Trong đó hai chủng 16 và 18 là thủ phạm gây ra khoảng 70% trường hợp ung thư cổ tử cung. Khoảng 80% phụ nữ có nguy cơ nhiễm virus HPV ít nhất một lần trong đời, tỷ lệ nhiễm cao nhất xảy ra ở độ tuổi 20-30, có thể lên đến 20-25% [4].

Một trong những phương pháp phòng ngừa ung thư cổ tử cung an toàn và đạt hiệu quả cao là tiêm vaccine HPV. Tuy nhiên hiện nay tỷ lệ tiêm phòng HPV tại cộng đồng và nữ sinh viên chưa cao. Vì vậy chúng tôi thực hiện đề tài này với mục tiêu: *Mô tả tình trạng tiêm vắc xin HPV của sinh viên nữ ngành Phục hồi chức năng trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương.*

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng nghiên cứu.** *Sinh viên nữ ngành Phục hồi chức năng hệ Đại học chính quy Trường đại học kỹ thuật y tế Hải Dương*

\* **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Những sinh viên nữ đồng ý tham gia nghiên cứu.

\* **Tiêu chuẩn loại trừ:** Những sinh viên nữ không đồng ý tham gia nghiên cứu.

**2.2. Thời gian nghiên cứu, địa điểm nghiên cứu**

- Thời gian nghiên cứu: Tháng 01/2024

- Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương.

**2.3. Phương pháp nghiên cứu**

**2.3.1. Thiết kế nghiên cứu:** nghiên cứu mô tả cắt ngang

**2.3.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:** Toàn bộ đối tượng nghiên cứu đủ tiêu chuẩn trong thời gian nghiên cứu đều được chọn.

**2.3.3. Phân tích và xử lý số liệu:** Bằng phần mềm SPSS 20.0

**2.3.4 Kỹ thuật thu thập số liệu:** Phát phiếu tự điền

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu**

**Bảng 3.1: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu**

Đặc điểm	Số lượng (n=230)	Tỷ lệ (%)
<b>Sinh viên năm</b>		
Năm 1	60	26,2
Năm 2	45	19,2

Năm 3	76	33,2
Năm 4	49	21,4
<b>Dân tộc</b>		
Kinh	216	94,3
Khác	14	5,7
<b>Tình trạng hôn nhân</b>		
Chưa kết hôn	225	98,3
Đã kết hôn	5	1,7

**Nhận xét:** Sinh viên nữ năm 3 tham gia khảo sát đông nhất với 76 người (33,2%) , đa số là dân tộc Kinh: 216 người (94,3%) và chưa kết hôn: 225 người (98,3%).

### 3.2. Tỷ lệ tiêm phòng HPV

**Bảng 3.2: Tỷ lệ tiêm ngừa HPV (N=230)**

Tiêm vắc xin HPV	Số lượng	Tỷ lệ
<b>Đã tiêm</b>	1 mũi	8,7
	2 mũi	12,6
	3 mũi	16,1
	Tổng đã tiêm	37,4
<b>Chưa tiêm</b>	144	62,6
<b>Tổng</b>	230	100

**Nhận xét:** Đa số sinh viên nữ chưa tiêm phòng vaccin với tỷ lệ 62,6%(144 người). Trong số sinh viên đã tiêm thì tỷ lệ đã tiêm 1 mũi chiếm tỷ lệ thấp nhất (8,7%) và tiêm 3 mũi chiếm tỷ lệ cao nhất (16,1%)

**Bảng 3.3: Lý do đã tiêm ngừa HPV (N=86)**

Lý do đã tiêm HPV	Số lượng (n=86)	Tỷ lệ (%)
Tự nhận thức được tầm quan trọng của việc tiêm vaccine	49	56,9
Gia đình đưa đi	28	32,6
Người khác rủ	5	5,8
Khác...	4	4,7
<b>Tổng</b>	86	100

**Nhận xét:** Trong số sinh viên nữ đã tiêm, tỷ lệ tự nhận thức được tầm quan trọng của việc tiêm vaccine chiếm cao nhất với 49 sinh viên chiếm 56,9%

**Bảng 3.4: Lý do chưa tiêm ngừa HPV (N=144)**

Lý do chưa tiêm vaccine HPV	Số lượng (n=144)	Tỷ lệ (%)
Không biết về HPV	12	8,3
Chi phí đắt	77	53,5
Không có thời gian	17	11,8
Không biết nơi tiêm	18	12,5
Sợ tác dụng phụ của vaccine	8	5,5
Hết vaccine	1	0,7
Khác	11	7,7

**Nhận xét:** Trong số sinh viên chưa tiêm vaccin, lý do chưa tiêm chiếm tỷ lệ cao nhất là chi phí đắt với 77 sinh viên chiếm tỷ lệ 53,5% và

chiếm tỷ lệ thấp nhất do hết vaccine chiếm tỷ lệ 0,7%.

#### IV. BÀN LUẬN

HPV là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến ung thư cổ tử cung, mụn cóc sinh dục, ung thư hầu họng, ung thư âm đạo, ung thư dương vật và ung thư hậu môn. Tiêm vắc xin được chứng minh là một biện pháp phòng ngừa lây nhiễm hiệu quả nhất ở các nước có mức độ tầm soát ung thư thấp. Do đó, nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu để xác định tỷ lệ tiêm vắc-xin HPV của sinh viên nữ ngành Phục hồi chức năng tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. Kết quả nghiên cứu hiện tại chỉ có 37 sinh viên chiếm 16,1% đã tiêm đủ liều, 49 sinh viên đã tiêm nhưng chưa tiêm đủ (trong tổng số 230 sinh viên tham gia nghiên cứu). Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của các nước trong khu vực Châu Á như Singapore và Hồng Kông [5]. Kết quả của các nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ tiêm vắc xin tại các quốc gia khu vực Châu Á thấp, thấp hơn nhiều so với mục tiêu mà WHO đề ra vào năm 2018 là đến năm 2030 mỗi quốc gia có 90,0% trẻ em gái tiêm chủng đầy đủ vắc-xin phòng HPV trước 15 tuổi [6]. Trong khi một số nước ở các khu vực khác như Châu Âu, Châu Mỹ, tỷ lệ tiêm vắc-xin cao hơn đáng kể [7].

Trong số sinh viên nữ đã tiêm, tỷ lệ tự nhận thức được tầm quan trọng của việc tiêm vắc xin chiếm cao nhất với 49 sinh viên chiếm 56,9%. Ngoài ra, có 28 sinh viên nữ được gia đình đưa đi tiêm 32,6%. Đây là tín hiệu cho thấy cộng đồng và cá nhân đang quan tâm tới chăm sóc sức khỏe nhiều hơn.

Đa số sinh viên nữ tham gia khảo sát đều chưa tiêm vaccine HPV (144 người). Vấn đề này có thể do vắc-xin HPV tại Việt Nam chỉ có trong chương trình tiêm chủng dịch vụ mà chưa được đưa vào chương trình tiêm chủng quốc gia. Lý do được nêu ra nhiều nhất là do chi phí đắt với 77 người (53,5%). Các nghiên cứu được thực hiện tại các quốc gia phát triển như Mỹ, Canada, Singapore đề cập đến vấn đề tài chính như một rào cản khiến họ chưa tiêm vắc-xin [8]. Trong đó, nghiên cứu tại Mỹ và Canada đều ghi nhận rằng giá thành của vắc-xin HPV quá cao và không được bảo hiểm chi trả [8]. Đây cũng là mối lo ngại của các nước đang phát triển như Malaysia, Ấn Độ và Việt Nam [9]. Do đó, cần có các chính sách hỗ trợ giá để người dân dễ dàng tiếp cận vắc-xin HPV. Bên cạnh đó, việc lo sợ về tác dụng phụ và hiệu quả của vắc-xin cũng là trong những rào cản khiến sinh viên chưa tiêm vắc-xin. Một nghiên cứu khảo sát các sinh viên y

được tại Malaysia cho biết họ lo ngại về tính an toàn và nghĩ rằng vắc-xin này còn mới [9]. Tương tự, nghiên cứu của tác giả Fernandes và các cộng sự chỉ ra lý do khiến họ chưa tiêm là do chưa có đủ thông tin về tác dụng phụ của vắc-xin. Tuy nhiên, một số nghiên cứu đã chứng minh vắc-xin HPV có khả năng bảo vệ lâu dài và có thể duy trì ở mức cao trong thời gian 8 – 9 năm, thời gian bảo vệ của vắc-xin vẫn tiếp tục được nghiên cứu [10]. Chính vì vậy, các buổi tư vấn, ngoại khóa nhằm nâng cao kiến thức về vắc-xin HPV cho sinh viên đồng thời nhấn mạnh vai trò và tính an toàn, hiệu quả của vắc-xin có thể thúc đẩy việc tiêm vắc-xin HPV.

Do đó, cần tổ chức các buổi tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho cha mẹ và đối tượng thanh thiếu niên nói chung và sinh viên, đặc biệt sinh viên nữ nói riêng nhằm cung cấp các thông tin về vắc-xin HPV cũng như phòng ngừa các bệnh liên quan đến HPV để góp phần tăng tỷ lệ tiêm vắc xin HPV

#### V. KẾT LUẬN

- Tỷ lệ sinh viên nữ ngành Phục hồi chức năng Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương tiêm vắc xin HPV còn chưa cao (37,1%), trong đó chỉ có 16,1% tiêm đủ 3 mũi

- Lý do sinh viên tiêm vắc xin HPV nhiều nhất là tự nhận thức được tầm quan trọng của việc tiêm vaccine (56,9%), Tiếp đó là các sinh viên được gia đình khuyên, đưa đi tiêm (32,6%)

- Lý do sinh viên chưa tiêm vắc xin HPV do giá thành cao (53,5%), không biết chỗ nào để tiêm (12,5%), không có thời gian nên không tiêm (11,8%), không biết về vaccine HPV (8,3%) và lo ngại về tác dụng phụ của vaccine (5,5%).

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Sự thật ít ai biết về virus HPV – “thủ phạm” gây ung thư và hàng loạt bệnh lý nguy hiểm**, < <https://medlatec.vn/tin-tuc/su-that-it-ai-biet-ve-virus-hpv-thu-pham-gay-ung-thu-va-hang-loat-benh-ly-nguy-hiem>>, (truy cập 14:00 ngày 19/1/2024).
2. **Sung H, Ferlay J, Siegel RL, Laversanne M, Soerjomataram I, Jemal A, et al.** Global cancer statistics 2020: GLOBOCAN estimates of incidence and mortality worldwide for 36 cancers in 185 countries. *CA Cancer J Clin.* 2021;71:209–49. doi:10.3322/caac.21660.
3. **Bộ Y tế**, (2019), Tài liệu hướng dẫn dự phòng và kiểm soát ung thư, Ban hành theo quyết định số 2402/QĐ-BYT ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ y tế.
4. **Bộ Y tế**, (2016), Tài liệu kế hoạch hành động quốc gia về dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung giai đoạn 2016-2025, Ban hành theo quyết định số 5240/QĐ-BYT ngày 23 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ y tế.

5. **W. Chanprasertpinyo and C. Rerkswattavorn**, "Human papillomavirus (HPV) vaccine status and knowledge of students at a university in rural Thailand", *Heliyon*, 6(8), 2020, 4625.
6. **World Health Organization (WHO)**. "Cervical Cancer Elimination Initiative", 2018, [Online]. Available: <https://www.who.int/initiatives/cervical-cancer-elimination-initiative>. Truy cập 01/2024
7. **C. Poethko-Müller and N. Buttman-Schweiger**, "[HPV vaccination coverage in German girls: results of the KiGGS study: first follow-up (KiGGS Wave 1)]", *Bundesgesundheitsblatt Gesundheitsforschung Gesundheitsschutz*, 57(7), 2014, 869-77.
8. **M. L. Katz, J. L. Krieger, and A. J. Roberto**, "Human papillomavirus (HPV): college male's knowledge, perceived risk, sources of information, vaccine barriers and communication", *J Mens Health*, 8(3), 2011, 175-184.
9. **H. H. Rashwan, N. Z. Saat, and D. N. Abd Manan**, "Knowledge, attitude and practice of Malaysian medical and pharmacy students towards human papillomavirus vaccination", *Asian Pac J Cancer Prev*, 13(5), 2012, 2279-2283.
10. **P. S. Naud et al**, "Sustained efficacy, immunogenicity, and safety of the HPV-16/18 AS04-adjuvanted vaccine: final analysis of a long-term follow-up study up to 9.4 years post-vaccination", *Hum Vaccin Immunother*, 10(8), 2147-2162, 2014.

## TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG TRƯỚC, SAU PHẪU THUẬT VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI BỆNH UNG THƯ DẠ DÀY TẠI BỆNH VIỆN K NĂM 2023

Nguyễn Thị Thuý<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Đinh<sup>1</sup>, Hoàng Việt Bách<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Đánh giá tình trạng dinh dưỡng trước, sau phẫu thuật và các yếu tố liên quan của người bệnh ung thư dạ dày tại bệnh viện K năm 2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang tiến hành trên người bệnh được chẩn đoán xác định ung thư dạ dày đã có chỉ định phẫu thuật cắt dạ dày tại 3 khoa Ngoại bụng 1, Ngoại bụng 2, Ngoại Quán Sứ - Bệnh viện K cơ sở Tân Triều trong thời gian từ tháng 03/2023 đến tháng 10/2023. **Kết quả:** Nghiên cứu cho thấy tỉ lệ người bệnh suy dinh dưỡng theo phân loại GLIM trước phẫu thuật là 55,1%, sau phẫu thuật là 77,5%. Người bệnh mắc thêm 1 bệnh lý mạn tính có nguy cơ SDD (theo GLIM) cao hơn 2,5 lần so với nhóm không mắc bệnh lý kèm theo, với OR=2,5 (95 %CI: 1,06-6,1). Sau phẫu thuật người bệnh cắt bán phần dạ dày có nguy cơ SDD (theo tiêu chuẩn GLIM) bằng 0,3 lần so với nhóm người bệnh cắt toàn bộ dạ dày, với OR=0,3 (95% CI: 0,1-0,9). **Kết luận:** Tình trạng suy dinh dưỡng theo phân loại GLIM tương đối cao ở các bệnh nhân ung thư dạ dày trước, sau phẫu thuật. Tỉ lệ SDD tăng hơn sau phẫu thuật và ảnh hưởng bởi cách thức điều trị phẫu thuật. Cần có sự can thiệp và tư vấn dinh dưỡng phù hợp để cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao hiệu quả điều trị, chất lượng sống cho người bệnh.

**Từ khóa:** Ung thư dạ dày, tình trạng dinh dưỡng, yếu tố liên quan, phẫu thuật

### SUMMARY

#### NUTRITIONAL STATUS BEFORE, AFTER

<sup>1</sup>Bệnh viện K

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Thuý

Email: Drthuy3012@gmail.com

Ngày nhận bài: 23.9.2025

Ngày phản biện khoa học: 24.10.2025

Ngày duyệt bài: 26.11.2025

### SURGERY AND RELATED FACTORS OF GASTRIC CANCER PATIENTS AT K HOSPITAL IN 2023

**Objective:** To evaluate the nutritional status before and after surgery and associated factors in patients with gastric cancer at K Hospital in 2023. **Methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on patients diagnosed with gastric cancer and scheduled for gastrectomy at three abdominal surgery departments (Abdominal Surgery 1, Abdominal Surgery 2, and Ngoại Quán Sứ) of K Hospital, Tân Triều campus, from March to October 2023. **Results:** The prevalence of malnutrition based on GLIM criteria was 55.1% before surgery and 77.5% after surgery. Patients with one concomitant chronic disease had a 2.5-fold higher risk of malnutrition compared to those without comorbidities (OR = 2.5; 95% CI: 1.06–6.1). After surgery, patients undergoing partial gastrectomy had a lower risk of malnutrition than those undergoing total gastrectomy (OR = 0.3; 95% CI: 0.1–0.9). **Conclusion:** Malnutrition according to GLIM criteria was common among gastric cancer patients, with the prevalence increasing after surgery. Surgical approach significantly influenced postoperative nutritional status. Timely nutritional counseling and interventions are essential to improve patient outcomes and quality of life.

**Keywords:** Gastric cancer, nutritional status, related factors, surgery

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư dạ dày là một trong số các bệnh ung thư phổ biến nhất trên thế giới. Theo số liệu của Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (International Agency for Research on Cancer IARC) năm 2022, có hơn 968.000 ca ung thư dạ dày mắc mới và gần 660.000 ca tử vong, căn